TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG SƠN
TỈNH THANH HÓA
Bản án số: 13/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 12/9/ 2023
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯƠC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trịnh Thị Hà
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Đình Túy
Bà Nguyễn Thị Yến

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Lê Thị Phương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện VKSND huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà: Ông Lê Xuân Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 51/2023/TLST - HNGN ngày 19 tháng 07 năm 2023 về ''*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn''* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2023/QĐXX-ST ngày 28/8/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vũ Thị H, sinh năm 1988 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Số 11/78 đường Phan Bội Ch, phường Tân S, TP.Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá

- Bị đơn: Anh Nguyễn Ánh D, sinh năm 1979 (Có mặt)
Địa chỉ: Thôn Yên Tr, xã Đông Y, huyện Đông S, tỉnh Thanh Hoá.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/7/2023 và bản tự khai chị Vũ Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Ánh D kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức cưới hỏi và đăng ký kết hôn ngày 18/01/2018 tại UBND phường Tân Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, thường xuyên cải nhau, không quan tâm đến nhau, sống không có hạnh phúc. Đến tháng 6 năm 2023 Chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở tại số 11/78 đường Phan Bội Châu, phường Tân Sơn, TP.Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá ở cho đến nay. Mặc dù đã được hai bên gia đình nội ngoại hòa giải cho hai vợ chồng về đoàn tụ nhưng không có kết quả.

Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không còn tồn tại nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh D.

Tại bản tự khai ngày 27/7/2023 bị đơn anh Nguyễn Ánh D trình bày: Anh thống nhất với ý kiến chị H về điều kiện và thời thời gian kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc. Trong cuộc sống chung vợ chồng cũng có những lúc không thuận nhưng không đến mức mâu thuẫn nghiêm trọng. Anh xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn và xin được đoàn tụ để vợ chồng cùng nhau nuôi dạy và chăm sóc con cái. Nay chị H yêu cầu xin ly hôn anh, anh không đồng ý.

Về con chung: Chị H và anh D thống nhất anh, chị có 01 con chung là Nguyễn Khuê L, sinh ngày 29/09/2018. Chị H có nguyện vọng xin được tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con Nguyễn Khuê L và chị yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung là 3.000.000 đồng/1 tháng. Anh D đồng ý giao cháu Nguyễn Khuê L cho chị H tiếp tục, chăm sóc, nuôi dưỡng và anh cấp dưỡng nuôi con chung là 3.000.000 đồng/1 tháng.

Về tài sản, công nợ: Chị H, anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh D có mặt, chị H có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại biên bản xác minh ngày 03/8/2023 theo chính quyền địa phương nơi chị H đang sinh sống và có hộ khẩu thường trú tại số 11/78 đường Phan Bội Châu, phường Tân Sơn, TP.Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá, anh D, chị H có đăng ký kết hôn tại UBND phường Tân Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến tháng 6/2023 thì chị H đưa con gái về nhà bố mẹ đẻ ở tại Số 11/78 đường Phan Bội Châu, phường Tân Sơn, TP.Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá sinh sống. Về con chung anh D và chị H có một con chung là cháu Nguyễn Khuê L hiện nay đang ở với chị H. Về tài sản và công nợ chính quyền địa phương không nắm được.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà hôm nay bị đơn có mặt, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt áp dụng khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để tiếp tục giải quyết vụ án.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56; Điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị H được ly hôn anh Nguyễn Ánh D.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Khuê L cho chị H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung là 3.000.000 đồng/1 tháng.

Về tài sản, công nợ: Chị H và anh D không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị H phải chịu toàn bộ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Vũ Thị H có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa giải quyết việc hôn nhân của chị và anh D, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của

Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa anh D có mặt, chị Vũ Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân: Chị H và anh D kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 18/01/2018 tại UBND phường Tân Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.Vì vậy hôn nhân giữa Chị H và anh D là hôn nhân hợp pháp. Anh D không thống nhất ly hôn, Tòa án đã tiến hành hòa gioải nhiều lần nhưng anh cũng không đưa ra được giải pháp gì khắc phục để vợ chồng về đoàn tụ.

Như vậy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận cho chị H được ly hôn anh D là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị H và anh D có 01 con chung là Nguyễn Khuê L, sinh ngày 29/09/2018. Hiện nay cháu đang ở với chị H. Chị H có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai cháu và yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Anh D cũng đồng ý để chị H trực tiếp nuôi con và đồng ý cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000 đồng/1 tháng. Hội đồng xét xử xét thấy để đảm bảo cho cháu Nguyễn Khuê L được nuôi dưỡng, chăm sóc tốt để cháu phát triển đầy đủ về thể chất, tinh thần và đang học tập và sinh sống ổn định. Nên giao cháu Nguyễn Khuê L cho chị H tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung con số tiền là 3.000.000 đồng/1 tháng kể từ tháng 10/2023 cho đến khi cháu L tròn 18 tuổi.

Anh D có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung là phù hợp.

[4] Về tài sản và công nợ: Chị H và anh D đều không yêu cầu giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 51, Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình. Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a, khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội.

Xử:

- Về hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị H được ly hôn anh Nguyễn Ánh D.
- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Khuê L, sinh ngày 29/09/2018 cho chị H tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung là 3.000.000 đồng/1 tháng kể từ tháng 10/2023 cho đến khi cháu L tròn 18 tuổi.

Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản, công nợ: Chị H, anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số AA/2022 ngày 19/7/2023 của Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Chị H đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo đúng quy định tại điều 2 Luật thi hành án thì người được thi hành án dân sự, phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Đông Sơn;
- UBND phường Tân Sơn;
- Cơ quan THADS huyện Đông Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Trịnh Thị Hà